

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM - ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

“V/v Tranh chấp hợp tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ái

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Q Chử

Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Dương Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Yến - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2025/TLST- KDTM ngày 26/6/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXX- KDTM ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Giảng Võ, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồng Q – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Nam Đ – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1977 và ông Vũ Sỹ T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: thôn T, xã H, tỉnh H

Bà X ủy quyền cho ông T.

Ông Đ, ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nội dung vụ án như sau:

Quan điểm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà X, ông T; theo Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201502277 ngày 17/06/2015; Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; Thời hạn vay vốn: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD; Mục đích vay: Kinh doanh long nhãn và Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011; Số tiền vay:

800.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 42 tháng kể từ ngày ký HĐTD; Mục đích vay: Mở xưởng kinh doanh sửa chữa ô tô. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc Sômi rơ móc, nhãn hiệu CIMC, năm sản xuất 2008, số loại ZJV9400CLX, số khung LJRH1338581001744, màu sơn xanh, biển số đăng ký xe 89R-000.45 mang tên ông Vũ Sỹ T thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17062015/HĐTC ký ngày 17 tháng 06 năm 2015 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội theo đúng quy Đ của Pháp luật. Từ khoảng năm 2015 đến thời điểm hiện tại thì khách hàng đã gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, không có nguồn thu trả nợ. Agribank Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên đã nhiều lần làm việc cùng khách hàng, đôn đốc trả nợ và yêu cầu nhiều lần phải trả hết khoản nợ quá hạn tại ngân hàng. Tuy nhiên, gia đình ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X không trả nợ dứt điểm khoản nợ quá hạn tại ngân hàng, để nợ xấu ngày một kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh Ân Thi.

Căn cứ các quy Đ của pháp luật; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, Ngân hàng N thông qua Agribank Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên đề nghị Tòa án nhân dân Ân Thi tỉnh Hưng Yên tuyên một số nội dung cụ thể như sau:

1. Buộc ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn lại, lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên theo Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201502277 ngày 17/06/2015; Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011 và phụ lục kèm theo mà hai bên đã ký; Tính đến hết ngày 31/05/2025, nợ gốc và lãi của hộ gia đình bà Trần Thị X và ông Vũ Sỹ T tại Agribank Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên cụ thể như sau:

+ Nợ gốc là: **1.484.175.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Nợ lãi các loại là: 1.353.161.831 đồng. Trong đó số tiền lãi trong hạn là 1.147.402.247 đồng; Lãi quá hạn là: 205.759.584 đồng.

+ **Tổng cộng số tiền là: 2.837.336.831 đồng**

(Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi một đồng)

2. Trường hợp ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X không thực hiện trả nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm còn lại của hộ để thu hồi nợ theo qui Đ pháp luật.

3. Đề nghị Tòa tuyên ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/06/2025 cho Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên cho đến khi trả hết nợ.

4. Nếu vẫn không trả hết toàn bộ nợ (gốc, lãi và phí phát sinh liên quan (nếu có) thì Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu, sử dụng của ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X để thu hồi khoản vay của ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X tại Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên.

Quan điểm của bị đơn trình bày: Năm 2011 để có vốn mở xưởng kinh doanh ô tô nên vợ chồng ông đã ký đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/20211 để vay số tiền 800.000.000 đồng của Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi. Quá trình sử dụng vốn ông đã trả được số nợ gốc 400.000.000 đồng, hiện còn dư nợ với Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên không có thể chấp. Ngày 17/6/2015 vợ chồng ông có ký Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 để vay tiền của Ngân hàng số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh long nhãn. Tài sản bảo đảm thế chấp một xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Hyundai sản xuất năm 2003 và 01 sơ mi rơ mooc sản xuất năm 2008, mọi đặc điểm, chi tiết của tài sản bảo đảm được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản 17062015/HĐTC ký ngày 17 tháng 06 năm 2015. Quá trình sử dụng vốn vay do gặp khó khăn khi dịch Covid-19 bùng phát đã dẫn đến nhiều thiệt hại nên vợ chồng ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phía Ngân hàng cũng tạo điều kiện cho vợ chồng ông nhưng không trả được nợ, Ngân hàng cũng thông báo thanh lý tài sản bảo đảm là đầu kéo của ô tô có biển số 89C-024.78, toàn bộ số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản bảo đảm đã được Ngân hàng trừ vào nợ gốc cho khoản vay ngày 17/6/2015. Từ thời điểm đó cho đến nay vợ chồng ông chưa thanh toán hết khoản vay cho Ngân hàng. Vợ chồng ông T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, mong muốn ngân hàng tạo điều kiện cho trả nợ dần, số tiền trả được trừ vào nợ gốc, đối với tiền lãi đề nghị xem xét miễn giảm sau khi tất toán khoản vay.

Biên bản xem xét thẩm Đ: Tài sản thế chấp hiện còn Sơ mi rơ mooc có biển số 89R -00045 đang được quản lý tại bãi xe Sơn Hòa, có địa chỉ thôn 10, xã Tăng Lông, Lào Cai tình trạng không sử dụng.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Yêu cầu vợ chồng ông T, bà X phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với hai khoản vay trên, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) tổng số tiền 2.883.940.229 đồng, trong đó nợ gốc: 1.484.175.000 đồng; lãi trong hạn 1.187.050.645 đồng, lãi quá hạn 212.714.584 đồng. Trường hợp ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X không thực hiện trả nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm còn lại của hộ để thu hồi nợ theo qui Đ pháp luật. Đề nghị Tòa tuyên ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/06/2025 cho Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên cho đến khi trả hết nợ. Nếu vẫn không trả hết toàn bộ nợ (gốc, lãi và phí phát sinh liên quan (nếu có) thì Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu, sử dụng của ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X để thu hồi khoản vay của ông Vũ Sỹ T và bà Trần Thị X tại Ngân hàng N – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên.

Bị đơn có ý kiến: Nhất trí với số tiền mà vợ chồng hiện còn nợ ngân hàng, đề nghị phía ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm, được bao nhiêu trừ vào nợ gốc, số nợ còn lại vợ chồng tôi có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy Đ tại Điều 30, 35, 48, 97, 98, Điều 196, Điều 204; Điều 205, 208-211; Điều 220 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy Đ của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy Đ tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Như việc yêu cầu khởi kiện đến Tòa án đúng trình tự thủ tục, đơn khởi kiện đảm bảo đúng hình thức và nội dung, chấp hành đúng quy Đ của pháp luật về yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, có mặt đúng thời hạn theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157 Bộ luật TTDS; Điều 116, 117, 119, 280, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 351, 401, 463, 466 BLDS; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy Đ về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Thi:

Buộc ông T, bà X thanh toán toàn bộ số tiền gốc còn lại, lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Thi theo HĐTD số 2409LAV201502277 ngày 17/6/2015 và HĐTD số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011 và phụ lục kèm theo hai bên đã ký. Tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 15/9/2025 là 2.883.940.229 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.484.175.000 đồng, nợ lãi các loại là 1.399.765.229 đồng, trong đó lãi trong hạn là 1.187.050.645 đồng, lãi quá hạn là 212.714.584 đồng.

Trường hợp bà X, ông T không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm còn lại của vợ chồng ông T để thu hồi nợ theo quy Đ pháp luật.

Ông T, bà X phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Thi cho đến khi trả hết nợ theo như hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Về án phí: Trả lại Ngân hàng Agribank chi nhánh Ân Thi số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Ông T, bà X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] *Về tố tụng*: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Vũ Sỹ T, bà Trần Thị X. Ông T, bà X có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, tỉnh H thanh toán khoản vay được ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/20211 và Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 ngày 17/6/2015 được xác Đ là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là TAND khu vực 1 – Hưng Yên) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy Đ của pháp luật.

[2] *Về tư cách tố tụng*: Sau khi kiểm tra, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án căn cứ vào khoản 2,3,4 Điều 68 của BLTTDS xác Đ tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án như phần đầu của bản án và bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự đúng quy Đ của pháp luật.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng*:

3.1 Xét hợp đồng tín dụng: Ngày 19/7/2011 vợ chồng ông T, bà X ký Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 với Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay để mở xưởng kinh doanh ô tô. Ngày 17/6/2015 vợ chồng ông T ký Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 để vay số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh long nhãn. Toàn bộ số tiền tại hai Hợp đồng tín dụng nêu trên phía Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông T, vợ chồng ông T đã nhận đủ số tiền mà Ngân hàng đã giải ngân. Việc ký kết các Hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng ông T với Ngân hàng là tự nguyện, ngay thẳng và minh bạch, không trái pháp luật. Do đó các Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng vợ chồng ông T, bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng cũng đã thông báo về việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như đôn đốc việc thanh toán nhưng vợ chồng ông T, bà X vẫn không thực hiện. Việc này đã vi phạm điểm b, khoản 1 điều 7 Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201502277, điểm b khoản 1 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113. Do đó Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện ra Tòa án để buộc vợ chồng ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Xét về tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn: Tổng số tiền mà ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đã giải ngân cho vợ chồng ông T, bà X là 2.000.000.000 đồng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011 số tiền vay là 800.000.000 đồng, vợ chồng ông T, bà X đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và lãi là 269.773.136 đồng, dư nợ gốc còn là 400.000.000 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 ngày 17/6/2015, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, vợ chồng ông T bà X đã thanh toán được số nợ gốc là 115.825.000 đồng, tiền lãi vợ chồng ông T chưa thanh toán.

Hai hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông T còn nợ gốc **1.484.175.000 đồng**. Do đó vợ chồng ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Đối với tiền lãi trong hạn được tính trên số tiền thực tế mà vợ chồng ông T, bà X đã vay của Ngân hàng, mức lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm ký kết phù hợp với lãi suất quy Đ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Vì vậy yêu cầu tính lãi của Ngân hàng đối với vợ chồng ông T, bà X có căn cứ chấp nhận, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) tổng số tiền lãi trong hạn vợ chồng ông T, bà X phải trả cho Ngân hàng số tiền **1.187.050.645 đồng**, đối với lãi quá hạn theo quy Đ của Hợp đồng, các khế ước nhận nợ thì các bên thỏa thuận lãi quá hạn xác Đ bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy Đ của pháp luật, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của Ngân hàng đối với vợ chồng ông T, bà X, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) lãi suất quá hạn là **212.714.584 đồng**. Tổng tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn mà vợ chồng ông T, bà X phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) là: **2.883.940.229 đồng**.

Đối với phần lãi chậm trả phía ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

3.2 Xét về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên vợ chồng ông T, bà X đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 17062015/HĐTC ngày 17/6/2015 với Ngân hàng, theo nội dung của Hợp đồng thế chấp thì vợ chồng ông T, bà X đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Hyundai sản xuất năm 2003 và 01 Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu CIMC, năm sản xuất 2008, số loại ZJV9400CLX, số khung LJRH1338581001744, màu sơn xanh, biển số đăng ký xe 89R-000.45 mang tên ông Vũ Sỹ T. Quá trình xử lý nợ phía Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Hyundai, màu sơn: Xám ghi, biển số đăng ký 89C-024.78 thông báo đấu giá tài sản được thể hiện tại biên bản đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 24/HĐMB ngày 26/3/2020, số tiền bán đấu giá là 116.000.000 đồng đã trừ vào nợ gốc cho khoản vay và vợ chồng ông T đều nhất trí. Việc xử lý tài sản 01 xe ô tô đầu kéo là phù hợp quy Đ Điều 4 hợp đồng thế chấp các bên đã ký.

Theo hợp đồng thế chấp, hiện chỉ còn tài sản bảo đảm là 01 Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu CIMC, năm sản xuất 2008, đã qua sử dụng, tải trọng 23600kg, số loại ZJV9400CLX, số khung LJRH1338581001744, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89R-000.45, đang được quản lý, gửi tại bãi gửi xe Sơn Hòa, có địa chỉ tại thôn 10, xã Tăng Lông, Lào Cai. Do vợ chồng ông T, bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu vợ chồng ông T, bà X thực hiện nghĩa vụ thanh toán và có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm này được ký trong Hợp đồng thế chấp để bảo đảm việc thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận nên không phải chịu án phí KDTM. Ông T, bà X liên đới phải chịu án phí KDTM đối với khoản vay mà Ngân hàng được chấp nhận, quá trình giải quyết vụ án ông T có cung cấp cho Tòa đơn đề nghị xin miễn giảm án phí, tuy nhiên căn cứ Điều 12, 13 Nghị quyết 326/UBTVQH14 thì ông T, bà X không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, vì vậy không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 299, 323, 401, 463, 466 của BLDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Vũ Sỹ T, bà Trần Thị X phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) là: 2.883.940.229 đồng (trong đó nợ gốc: 1.484.175.000 đồng, nợ các khoản lãi: 1.399.765.229 đồng gồm lãi trong hạn là 1.187.050.645 đồng, lãi quá hạn 212.714.584 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011 và Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 ngày 17/6/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T, bà X có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2409LAV201102113 ngày 19/7/2011 và Hợp đồng tín dụng số 24019LAV201502277 ngày 17/6/2015.

Ngân hàng N có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17062015/HĐTC ngày 17/6/2015 giữa ông Vũ Sỹ T, bà Trần Thị X với Ngân hàng N – chi nhánh Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là Sơ mi rô mooc nhãn hiệu CIMC, năm sản xuất 2008, đã qua sử dụng, tải trọng 23600kg, số loại ZJV9400CLX, số khung LJRH1338581001744, màu sơn xanh, biển số đăng ký 89R-000.45. Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N thì ông T, bà X tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng N cho đến khi trả hết nợ.

Đối với phần lãi chậm trả lãi: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông T, bà X liên đới phải chịu 89.679.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N số tiền 45.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001531 ngày 26/6/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Ân Thi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, Hưng Yên).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái